

**Bản án số: 49/2019/HS-PT
Ngày: 31- 10- 2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Văn Bình
Các Thẩm phán: Ông Giáp Bá Dự và ông Đỗ Văn Hiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Tú Biển - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Từ ngày 24 đến ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/TLHS-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo RN cùng các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2019/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai.

*** Các bị cáo:**

1. RN (N), sinh năm 1990. Tại huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 9/12.

Con ông Đinh H (Chết) và bà Rmah H'L, sinh năm 1963; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Vợ là chị Kpă H'D, sinh năm 1994 (Đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2002; Vợ thứ hai là chị Ksor BL, sinh năm 1996. Có 01 con chung sinh năm 2015. Hiện vợ con đang trú tại: Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: 01 tiền án – ngày 15/01/2013, có hành vi giao cấu với trẻ em, bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam, giữ ngày 23/02/2016 đến nay – Có mặt.

2. RS(S), sinh năm 1992. Tại huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng PM, xã IK, huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: Không đi học.

Con ông Đinh B (Chết) và bà Rmah H'P, sinh năm 1971; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con đầu trong gia đình. Hiện bố, mẹ bị cáo đang trú tại: Làng PM, xã IK, huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: 02 Tiền án – ngày 20/7/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố PK, tỉnh Gia Lai xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản. Ngày 27/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai xử phạt 13 tháng tù về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam, giữ ngày 03/02/2016 đến nay – Có mặt.

3. SR(Tên gọi khác: Rót), sinh năm 1991. Tại huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng KXN, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 3/12.

Con ông Rmah R, sinh năm 1957 và bà Siu H'B, sinh năm 1963; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ là chị Kpă R, sinh năm 1997; Bị cáo có 01 con là Kpă M, sinh năm 2016. Hiện vợ con đang trú tại: Làng KXN, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: 01 Tiền án – ngày 25/7/2012 có hành vi Cướp giật tài sản bị Tòa án nhân dân thành phố PK, tỉnh Gia Lai xử phạt 4 năm tù.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam, giữ ngày 29/10/2016 đến nay – Có mặt.

4. RH, sinh năm 1985. Tại huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: Không đi học.

Con ông Đinh H, (Chết) và bà Rmah H'Loát, sinh năm 1963; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Vợ là chị Rlan T, sinh năm 1992; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2014. Hiện vợ con đang trú tại: Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam, giữ ngày 27/01/2016 đến nay – Có mặt.

5. ST, sinh năm 1996. Tại huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Trú tại: Làng R 1, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 3/12.

Con ông Kros G, sinh năm 1954 và bà Siu Hg (Chết); Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Hiện bố, mẹ bị cáo đang trú tại: Làng R 1, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: 01 Tiền án – Ngày 20/05/2015 bị Tòa án nhân dân huyện PT xử phạt 09 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam, giữ ngày 06/02/2017 đến nay – Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Bà Nguyễn Hoàng Kim L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung ST trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Bào chữa cho các bị cáo: RH, ST.

Địa chỉ: Trung ST trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

2. Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung ST trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Bào chữa cho các bị cáo: RN, RS, Siu Róch.

Địa chỉ: Trung ST trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

*** Người phiên dịch:** Bà Nay H'Y. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/12/2015, RD- sinh năm: 1996, trú tại: PM, xã IK, huyện PT, tỉnh Gia Lai cùng với A (sinh năm 1990, trú tại Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai), RH - sinh năm 1985, trú tại Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai; RT- sinh năm 1986, trú tại PM, xã IK, huyện PT, tỉnh Gia Lai và RS- sinh năm 1992, trú tại PM, xã IK, huyện PT, tỉnh Gia Lai; SR- Sinh năm: 1994, trú tại: Làng KXN, HB, CS, Gia Lai đi trên 03 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô của Anhân hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn: trắng – đen, biển số đăng ký: 81D1-015.95, RN điều khiển chở RT; 01 xe mô tô của RS nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn: Vàng đen, không có biển số, RS điều khiển chở RH và 01 xe mô tô của RT

nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn: đỏ – đen, không có biển số, RD điều khiển chở SR từ huyện PT đến huyện CS để tìm người dân nào đi trên đoạn đường vắng thì sẽ Cướp tài sản. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc Làng TG, xã IK, huyện CS, tỉnh Gia Lai thì thấy chị Trần Thị H - sinh năm: 1973, trú tại: Thôn Đồng H, xã IV, huyện CP, tỉnh Gia Lai điều khiển xe mô tô đi một mình nên RN, RT ép xe mô tô chị H và RT dùng chân đạp chị H, làm chị H ngã vào vườn cà phê rồi RT dùng roi điện dí vào khu vực cổ của chị H không ché để lấy tiền, RT nói: “ *Có tiền không*”? *Đưa đây* “thì chị H có lấy từ trong túi quần của chị H đưa cho RT số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi có tiền thì RT nói với đồng bọn “*Có tiền rồi*” và cả bọn cùng nhau tẩu thoát. Theo lời khai của các bị can RD, RN, RS, RH thì sau khi có tiền thì RT chia cho các bị can số tiền như sau: Đối với RS được chia 300.000 đồng; Đối với RD được chia số tiền 75.000 đồng; Đối với RH được chia số tiền 1.000.000 đồng; Đối với RN được chia số tiền là 700.000 đồng. Số tiền còn lại thì RT cầm và tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ kết quả điều tra, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ: Vào ngày 08/1/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện CS ra lệnh khám xét khẩn cấp số: 01, tại nhà ở của RN (sinh năm 1990, trú tại Thôn IS, xã HB, huyện CS, tỉnh Gia Lai), quá trình khám xét Cơ quan CSĐT Công an huyện CS thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn: trắng – đen, biển số đăng ký: 81D1-015.95, số máy: 5C63630962, số khung: C630CY630908, tại khu vực bụi tre, trước cửa nhà của RN đây là phương tiện mà RN dùng để đi Cướp tài sản của chị Trần Thị H; 02 (hai) bửng chắn gió xe mô tô màu trắng – đen, 01 (một) gác ba ga trước, 02 (hai) ốp chắn bùn (dè) trước và sau của xe mô tô bằng kim loại màu trắng là phụ tùng của xe mô tô trên thu ở phòng ngủ nhà ở của RN. Thu giữ 01 (một) điện thoại di động Viettel, Model: V6302, số Imel: 860720020659779, vỏ màu cam (không có sim) và 01 (một) điện thoại di động ghi chữ COPO C17, số Imel: 862943024208090 (không có sim) thu ở tủ tại nhà RN.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện CS thông báo phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng, đến Công an các huyện IG và CP.

Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện IG xác định:

Vào Khoảng 08 giờ ngày 06/01/2016 Siu Sơ Ri - sinh năm: 1997, hộ khẩu thường trú: Làng R 2, xã H'B, huyện CS; ST - sinh năm: 1996, hộ khẩu thường trú: Làng R 1, xã H'B, huyện CS; A- sinh năm: 1990; RH - sinh năm: 1985, cùng

trú tại làng IS, xã H'B, huyện CS; SR- sinh năm: 1991, hộ khẩu thường trú: Làng KXN, xã H'B, huyện CS và RT- sinh năm: 1990, hộ khẩu thường trú: Làng Plei M, xã IA, huyện PT điều khiển 03 (ba) xe mô tô đi từ huyện CS đến huyện IG. Trên đường đi, SR có mua 02 lít rượu mang theo. Khi đến khu vực đồi thông thuộc xã G - TP. PK thì tất cả dừng lại ngồi uống rượu. Trong quá trình ngồi uống rượu, RN có nói: *“Giờ không có tiền tiêu xài, bọn mình đi kiếm tiền xài”*, cả bọn đều hiểu là ý nói cùng nhau đi cướp tài sản lấy tiền tiêu xài nên đồng ý cùng đi. Uống rượu xong, RH và ST đi xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen (không nhớ biển kiểm soát) của RH, RT và RN đi xe mô tô hiệu Sirius (không nhớ biển kiểm soát) của RN, Sơ R và SR đi xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen (không nhớ biển kiểm soát) của Róch. Tất cả đi về hướng huyện IG với mục đích tìm thấy người đi đường thì cướp tài sản. Khi đến khu vực làng O Gia - IP- IG thì gặp hai người phụ nữ là chị Lê Thị Hoàng Y - sinh năm 1990, chỗ ở: Làng O P, xã IP, huyện IG, tỉnh Gia Lai, điều khiển xe mô tô chở chị Bùi Thị D - sinh năm 1986, trú tại: Thôn 2, xã IN, huyện CP, tỉnh Gia Lai đang đi về hướng UBND xã IPCùng chiều với các đối tượng. Khi phát hiện chị D có đeo túi xách bên người, Sơ R điều khiển xe mô tô chạy vượt lên áp sát xe mô tô của chị D để SR ngồi sau giật túi xách nhưng không giật được, xe mô tô của chị D tiếp tục chạy. Xe mô tô của Sơ R, SR và xe của RH, RT chạy lên; RH dùng chân đạp xe mô tô của chị D ngã xuống. Cùng lúc đó RN và ST chạy xe tới, RN lấy trong túi ra 01 roi điện đưa lên dí vào người của chị D làm chị D sợ quá thả túi xách xuống đường. (Trong túi có: 01 đồng hồ nữ hiệu LC, 100 USD (đô la Mỹ), 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Bùi Thị Thu Hà, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Bùi Thị D, 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng BIDV mang tên Bùi Thị D, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị D, 01 (một) thẻ Đảng viên mang tên Bùi Thị D, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Thị D, 01 (một) giấy đăng ký xe Honda Wave biển số 81H8 - 4848, 01 (một) giấy đăng ký xe Honda PCX biển số 81X1 - 011.67 mang tên Bùi Thị D). Lúc này cả 06 đối tượng đứng xung quanh chị D và chị Yến. Sau đó RH và RT lấy túi xách, rồi tất cả quay xe chạy ngược lại về hướng TP. Pleiku.

Ngày 10/3/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện IG Quyết định Trưng cầu định giá tài sản số: 44, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện IGđịnh giá trị tài sản. Tại Kết luận số 46 ngày 25/07/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện IGkết luận:

+ 01 (một) đồng hồ nữ hiệu LC, màu vàng trị giá: 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) túi xách nữ có nền hoa văn màu đỏ-xám trị giá: 200.000 đồng.

+ 100 USD (100 đôla Mỹ) có trị giá: 2.130.000 đồng.

Vậy tổng giá trị tài sản mà các đối tượng chiếm đoạt của chị Bùi Thị D là: 3.830.000đ.

Ngày 15/7/2016, Cơ quan CSĐT Công an huyện IG, tỉnh Gia Lai ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 49, Quyết định khởi tố bị can số 90, 01, 92, 93 đối với RN, RH, Siu SơRi, ST về hành vi Cướp tài sản xảy ra ngày 06/01/2016, tại làng O Gia, xã Ia Pếch, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26/7/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện IG, tỉnh Gia Lai có Quyết định chuyển vụ án hình sự số 02/KSĐT để chuyển vụ án Cướp tài sản xảy ra ngày 06/01/2016, tại làng O Gia, xã Ia Pếch, huyện IG, tỉnh Gia Lai nhập với vụ án Cướp tài sản xảy ra ngày 30/12/2015, tại làng TG, xã IK, huyện CS, tỉnh Gia Lai do Cơ quan CSĐT Công an huyện CS thụ lý. Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Seeddax ra Quyết định nhập vụ án số: 05/QĐ ngày 27/7/2016 đối với vụ Cướp tài sản xảy ra ngày 30/12/2015 và ngày 06/01/2016, trên địa bàn huyện CS và huyện IG, tỉnh Gia Lai.

2. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án Nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai đã quyết định như sau:

Tuyên bố các bị cáo RD, RN (N), RH, RS(S), ST, SR(Tên gọi khác: R) phạm tội: “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ RN (N) 9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/02/2016.

+ SR(Tên gọi khác: R) 9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/10/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ ST 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/02/2017.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ RS(S) 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03/02/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ RD 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/01/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ RH 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/01/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường dân sự; xử lý vật chứng; nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo: Trong thời hạn luật định, tất cả các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo về các nội dung sau:

Bị cáo RH kháng cáo cho rằng không tham gia thực hiện và không biết vụ cướp tại làng O, xã IP, huyện IG;

Bị cáo RScho rằng không tham gia vụ cướp tại làng TG, xã IK, huyện CS, tỉnh Gia Lai. Lý do nhận tội do đánh đập, bức cung và ép bị cáo nhận tội.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa, các bị cáo RH, ST, RS bổ sung nội dung kháng cáo cho rằng bị xét xử oan; bị cáo RN bổ sung nội dung kháng cáo cho rằng mình không tham gia vụ cướp tài sản tại làng O Gia, xã Ia Pếch, huyện IG. Bị cáo SRgiữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tội danh: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định RD, RN, RH, Rmah RT, RS và SR cùng tham gia vụ cướp tài sản tại làng TG, xã Ia Kho, huyện CS, tỉnh Gia lai; các bị cáo Siu Sơ R, Siêu ST, RN, RH, SR, RT tham gia thực hiện cướp tài sản tại làng O, xã IP, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

Hai bị cáo RH, RS cho rằng mình bị oan vì không tham gia Cướp tài sản vào ngày 30-12-2015 tại làng TG, xã IK, huyện CS, nhưng các biên bản hỏi cung, biên bản đối chất giữa các bị cáo có trong hồ sơ, các phiên tòa trước đó, các bị cáo đều khai nhận bị cáo RH và RS có tham gia cùng các đồng phạm Cướp tài sản ngày 30/12/2015. Vì vậy, bị cáo RH và RS bị truy tố về tội Cướp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo ST cho rằng có đi nhậu cùng nhưng sau đó ra về không tham gia vụ cướp tại huyện IG nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo cũng như của các bị cáo khác, trong đó có bị cáo Diên không kháng cáo có tại hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bị cáo là đồng phạm trong vụ cướp tại huyện IG. Tại phiên tòa các bị cáo đều cho rằng mình bị ép cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra nhưng tại cấp sơ thẩm các bị cáo đã được đối chất với điều tra viên và tại các biên bản ghi lời khai các bị cáo đều xác nhận tự nguyện khai báo, có sự chứng kiến của người phiên dịch, trợ giúp viên pháp lý.

Bị cáo ST nại chỉ viết 01 bản tự khai, nhưng tại hồ sơ lại có 03 bản tự khai. Cấp sơ thẩm đã cho đối chất bị cáo ST và điều tra viên anh Lê Minh T là người trực tiếp điều tra, làm việc với bị cáo ST trong quá trình điều tra vụ án. Anh Lê Minh T trình bày: việc tiến hành lấy lời khai và bản tự khai của bị cáo ST đều diễn ra tại trụ sở UBND xã H'B, huyện CS; biên bản hỏi cung của bị cáo ST đều có người phiên dịch và có sự chứng kiến của Công an xã HB, huyện CS. Vì vậy, lời

khai của bị cáo ST tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25-4-2019) hoàn toàn không có căn cứ.

Đối với trường hợp các bị cáo khai có Rmah Sur L tham gia nhưng quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo RN, SR, RH, ST khai báo tại tòa là Siu Sơ R không tham gia vụ cướp mà là Siu Sur L. Công an huyện CS đã tiến hành xác minh, triệu tập nhiều lần đối tượng lên làm việc nhưng từ khi xảy ra vụ án ngày 06/1/2016 thì Ramh Sur L không có mặt tại địa phương. Sau này triệu tập được thì bị cáo khai không tham gia hai vụ cướp nói trên mà chỉ tham gia vụ cướp tài sản tại ngã ba Phú M, huyện CP đến nay chưa xác định được bị hại.

Khi quyết định hình phạt: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, ngoài các chứng cứ cấp sơ thẩm đã xem xét, nên kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị cáo RN, RS, SR, ST và RH. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 25/4/2019 của TAND huyện CS, tỉnh Gia Lai, những nội dung khác không bị kháng nghị, không có kháng cáo: có hiệu pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo SR, RS, RN cho rằng: chưa làm rõ thời gian từ ngày 27/12/2015 đến gần tết RS có đi làm cho xưởng gỗ cùng với RR và Ksor T, Y (vợ Peo) hay không để chứng minh tình tiết ngoại phạm của RS đối với vụ cướp xảy ra ngày 30/12/2015 tại huyện CS; Bị cáo RN có tất cả có 13 biên bản hỏi cung và ghi lời khai nhưng các lần hỏi cung ghi lời khai đều có nội dung khác nhau, mâu thuẫn nhau nên không có căn cứ xác định lời khai nào là chính xác đúng nhất để luận tội; chưa xác định chính xác vai trò của SR trong vụ án này, chưa thể hiện rõ ý chí của bị cáo có cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Về mặt tố tụng cả ba bị cáo đều thuộc diện được trợ giúp pháp lý nhưng các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đều không có sự tham gia của người bào chữa, chỉ có một số biên bản hỏi cung và đối chất sau này người bào chữa mới tham gia là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, đồng thời trong hồ sơ vụ án: Có rất nhiều biên bản hỏi cung, lấy lời khai của RD, RN thì có sự xuất hiện của một thanh niên tên là K (Không có sự tham gia của SR) nhưng không có bất kỳ một biên bản xác minh nào về việc K là ai, có phải là SR không là không đảm bảo tính khách quan trong hồ sơ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

* Người bào chữa cho bị cáo RH, ST: Đối với vụ cướp tại huyện CS chưa làm rõ vai trò của từng bị cáo, các bị cáo có bàn bạc thống nhất trước với nhau hay không. Tại các bản hỏi cung, biên bản đối chất và lời khai của các bị cáo khai vụ cướp tại huyện CS chỉ có 04 bị cáo tham gia là Rmah RT, RD, RN, SR, còn bị cáo RH và ST không tham gia nên chưa đủ căn cứ buộc tội RH và RS.

Vai trò của Siu Sơ R đối với vụ cướp tại huyện IG chưa được làm rõ ảnh hưởng lớn đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ 03 bản tự khai của bị cáo ST vì tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa này bị cáo đều cho rằng chỉ viết 01 bản tự khai nhưng trong hồ sơ vụ án có đến 03 bản tự khai.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật, kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và đúng phạm vi kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo RH, ST và RS:

Tại hồ sơ vụ án có nhiều lần các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các đồng phạm và lời khai của những người bị hại, theo đó: vào ngày 30/12/2015 các bị cáo RH, RS đã tham gia vào vụ cướp tại làng TG, xã IK huyện CS (sau đây gọi là vụ cướp tại huyện CS) cùng với các bị cáo RN, RD và SR; vào ngày 6/1/2016 các bị cáo RH, ST tham gia vụ cướp tại làng O Gia, xã IPhuyện IG (sau đây gọi là vụ cướp tại huyện IG) cùng với các bị cáo RN và Roch; Sau đó các bị cáo thay đổi lời khai cho rằng bị đánh đập ép cung nên mới phải khai nhận tội; Hội đồng xét xử xét thấy: ngoài các lời khai của các bị cáo, khi chưa có người bào chữa tham gia, có nội dung nhận tội và khai ra đồng phạm thì các bị cáo còn khai nhận ở cả các tài liệu có sự tham gia của người bào chữa, hoặc tại phiên tòa công khai xét xử các bị cáo:

Đối với bị cáo ST và bị cáo RH: tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/4/2017 (BL706), khai nhận cùng các đồng phạm tham gia vụ cướp tại huyện IG; ngoài ra, trong vụ án này bị cáo ST bị bắt vào ngày 6/2/2017 nhưng tất cả các Biên bản lấy

lời khai, Bản tự khai của bị cáo tại trụ sở Công an xã HB, huyện CS trong một thời gian dài, từ ngày 24/6/2016 đến ngày 20/7/2016 trước khi bị bắt (các BL 382 – 387) bị cáo đều khai nhận tội cùng các đồng phạm. Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của tất cả các bị cáo thì diễn biến vụ cướp tại huyện IG là: các bị cáo xuất phát từ huyện CS đi về phía huyện IG, trên đường đi các bị cáo cùng rẽ vào đồi thông xã Gào (bên cạnh đường) uống rượu, tại đây đã phát sinh ý thức đi cướp do Akhởi xướng, sau khi uống rượu xong các bị cáo tiếp tục đi về hướng huyện IG, trên đường đi phát hiện bị hại nên các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp, do vậy hành vi cùng đi với các đồng phạm từ đồi thông xã Gào về hướng huyện IG – chứ không quay ngược lại hướng CS, của các bị cáo ST, RH chứng tỏ các bị cáo tiếp nhận ý chí, đồng ý thực hiện tội phạm với các đồng phạm – nên việc các bị cáo RH và ST khai (BL 1070, 1074) chỉ đi chơi với các bị cáo khác rồi lúc đang đi trên đường nghe bị cáo RN khởi xướng việc đi cướp, vì không đồng ý tham gia nên đã quay về, hoặc lời khai khác của 2 bị cáo này cho rằng mình có đi cùng các bị cáo khác, có chứng kiến vụ cướp nhưng không tham gia là không có cơ sở.

Đối với bị cáo RS: tại Biên bản hỏi cung ngày 16/7/2016 (BL 140) khai nhận tham gia vụ cướp tại huyện CS cùng với các đồng phạm RN, RH, RT, Roch và Diên, chiếc xe máy bị cáo điều khiển trong vụ cướp là xe trộm cắp được vào đầu tháng 12/2015.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/4/2017 và tại các tài liệu tố tụng có người bào chữa tham gia khi Cơ quan điều tra làm việc với các bị cáo khác, thì các bị cáo này đều khai phù hợp với các bị cáo ST, RH, RS về nội dung vụ án và đồng phạm tham gia: các bị cáo RS và RH có tham gia vào vụ cướp tại huyện CS, bị cáo ST và RH có tham gia vào vụ cướp tại huyện IG. (lời khai của bị cáo RN tại các BL 174, 828; lời khai bị cáo Roch tại BL 582, 586, 588, và tất cả các lời khai của bị cáo Diên). Bên cạnh đó, trong vụ án này bị cáo RN và bị cáo RH có quan hệ anh em ruột, bị cáo RS là con chú ruột của bị cáo RH; các bị cáo khác đều có mối quan hệ họ hàng hoặc bạn bè với bị cáo RH, bị cáo RS và bị cáo ST, giữa các bị cáo không có mâu thuẫn; các bị cáo SR, RD, và RN đều thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện nên không có động cơ, mục đích trong việc khai bắt lợi cho bị cáo RH, bị cáo RS cũng như bị cáo ST.

Xét tất cả các Biên bản lấy lời khai, Bản tự khai của 3 bị cáo kêu oan nêu trên đều được tiến hành theo thủ tục tố tụng quy định, phần cuối Biên bản, các bị cáo đều cam đoan lời khai hoàn toàn đúng sự thật, không bị bức cung, nhục hình và có ký tên, điểm chỉ trong Biên bản lấy lời khai, và như đã trích dẫn như trên, tại các Biên bản hỏi cung có người bào chữa tham gia và tại phiên tòa xét xử công khai ngày 20/4/2017, các bị cáo kêu oan và các bị cáo khác khai nhận về nội dung vụ án và đồng phạm tham gia phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung các Biên bản do Cơ quan điều tra lập như khi không có người bào chữa tham gia, nên không có việc cán bộ điều tra đã bức cung, nhục hình làm cho các bị cáo phải nhận tội như các bị cáo đã khai. Do đó, các Biên bản lấy lời khai trên là chứng cứ hợp pháp, đảm bảo giá trị chứng minh trong vụ án; các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà cấp sơ thẩm đã thực hiện là đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật hình sự.

[3] Đối với bị cáo RN, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị cáo luôn nhận tội tham gia vụ cướp tại huyện IG, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, tại đơn kháng cáo do bị cáo tự viết, bị cáo vẫn tiếp tục thừa nhận hành vi này của mình, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo mới cho rằng mình bị đánh đập ép nên mới khai nhận, nhưng như đã nêu và phân tích trên đây, không có căn cứ để cho rằng các Biên bản hỏi cung bị cáo RN và đồng phạm được lập do ép cung, nhục hình;

Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các bị cáo kêu oan và bị cáo RN cũng như người bào chữa không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh về việc các bị cáo bị ép cung, nhục hình. Do vậy căn cứ vào các tài liệu điều tra và kết quả tranh tụng tại các phiên tòa xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy án sơ thẩm kết tội các bị cáo RN, RH, ST và RS là có căn cứ, đúng pháp luật;

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo RN, ST, RH và RS và SR thấy rằng: hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Sau khi phạm tội, mặc dù giai đoạn điều tra các bị cáo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó các bị cáo thay đổi lời khai, khai không đúng sự thật nhằm chối tội và bao che cho đồng phạm, không thể hiện sự năn ăn, hối cải nên cần phải nghiêm trị để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Mức

án mà Tòa án cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và vai trò đồng phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các bị cáo đều khai báo không thành khẩn và không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo.

[5] Về áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: đối với các bị cáo RN, RS, SR phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” đã bị áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo RN, RS, SR; bị cáo ST phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm” nhưng nhận định và áp dụng bị cáo ST phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là chưa đúng. Các bị cáo RN, RH, SR phạm tội 02 lần nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên”; cấp phúc thẩm sẽ áp dụng lại các tình tiết này cho đúng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo RN, RH, RS, ST, SR, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 25 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai.

1. Tuyên bố: Các bị cáo RN, RH, RS, ST, SR phạm tội: “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt:

+ A09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/02/2016.

+ SR9 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/10/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: ST 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/02/2017.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: RS 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03/02/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: RH 7 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/01/2016.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo RN, RH, RS, ST, SR, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện CS;
- VKSND huyện CS;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện CS;
- Công an huyện CS;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Võ Văn Bình